

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **PHAN THUỜNG CANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 04/07/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Ngô Mỹ, Thành Phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 11C2/1, Hẻm 51, Khu vực 3, Đường 3 tháng 2, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phan Thương Cang, Trường Đại học Cần Thơ; Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng: 0939003365; Điện thoại di động: 0939003365; E-mail: ptcang@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11/2000 đến tháng 05/2004: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 05/2004 đến tháng 6/2006: Học viên cao học tại Viện Công Nghệ Châu Á (AITCV), Việt nam (giai đoạn 1), và tại Viện Công Nghệ Châu Á (AIT), Bangkok, Thái Lan (giai đoạn 2); Hoàn thành Thạc sĩ năm 2006 chuyên ngành Khoa học máy tính.

- Từ tháng 6/2006 đến tháng 09/2011: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 09/2011 đến tháng 8/2014: Nghiên cứu sinh (03 năm) ngành Tin học tại Lab Laboratory of Informatics, Modelling and Optimization of the Systems (LIMOS), UMR CNRS 6158 và École Doctorale des Sciences Pour l'Ingénieur, Đại học Clermont Ferrand 2 Blaise Pascal, được hợp nhất vào Đại học Clermont Auvergne (UCA, năm 2017), 49 bd François Mitterrand, CS 60032, 63001 thành phố Clermont-Ferrand, Pháp; Bảo vệ và tốt nghiệp tiến sĩ ngành Tin học vào ngày 07/07/2014, bằng tiến sĩ được cấp vào ngày 04/03/2015.

- Từ tháng 8/2014 đến tháng 09/2015: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 09/2015 đến tháng 04/2016: nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Đại học Quebec, Trois-Rivières (Université du Québec à Trois-Rivières - UQTR), 3351, boulevard des Forges, thành phố Trois-Rivières (Québec) G8Z 4M3, Canada. Làm nghiên cứu sau tiến sĩ với GS. Le Dinh Thang của UQTR tại Việt Nam từ tháng 04/2015 đến tháng 09/2015.

- Từ tháng 04/2016 đến tháng 04/2018: Giảng viên Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 04/2018 đến tháng 03/2022: Giảng viên chính (Hạng 2), Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 03/2022 đến tháng 12/2022: Giảng viên chính (Hạng 2), chức vụ: Trưởng bộ môn Mạng máy tính và Truyền thông, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên chính (Hạng 2), chức vụ: Trưởng khoa Mạng máy tính và Truyền thông, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa Mạng máy tính và Truyền thông; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa Mạng máy tính và Truyền thông.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: (+84) 0292 3831 530.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

.....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 09 năm 1998; số văn bằng: 59727; ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Loại tốt nghiệp: Khá; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 24 tháng 05 năm 2006; số văn bằng: Không có; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành: Khoa học máy tính; Loại tốt nghiệp: Giỏi (very good); Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Công Nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 04 tháng 03 năm 2015; số văn bằng: CLFERII 10711727; ngành: Tin học; chuyên ngành: Tin học; Loại tốt nghiệp: Xuất sắc (très honorable); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Clermont Ferrand 2 Blaise Pascal, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dữ liệu lớn;

- Máy học;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH đã bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 72 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo đăng trong tạp chí khoa học quốc tế uy tín, 32 bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín, 24 bài báo đăng trong tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước;

- Số lượng sách giáo trình đã xuất bản: 01 sách giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

| STT | Tên khen thưởng                                                                                                                                         | Cấp khen thưởng                                                               | Năm khen thưởng                                                            |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Học bổng Nghiên cứu sinh (Đề án 322)                                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                        | 2011-2014                                                                  |
| 2   | Học bổng Nghiên cứu sau Tiến sĩ                                                                                                                         | Đại học Quebec, Trois-Rivières (Université du Québec à Trois-Rivières - UQTR) | 2015-2016                                                                  |
| 3   | Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo thành tích “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2018-2019 đến năm học 2019-2020” | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                        | 2021                                                                       |
| 4   | Chiến sĩ thi đua cơ sở                                                                                                                                  | Trường                                                                        | 2017-2018<br>2018-2019<br>2019-2020<br>2023-2024                           |
| 5   | Hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao                                                                                                           | Trường                                                                        | 2018-2019<br>2019-2020<br>2020-2021<br>2021-2022<br>2022-2023<br>2023-2024 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| STT      | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt quá trình công tác giảng dạy từ năm 2000 đến nay (2025), tôi luôn nỗ lực phấn đấu để thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định. Tôi tự đánh giá bản thân đã đáp ứng tốt các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

**a. Về giảng dạy:**

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ. Hàng năm, khối lượng giảng dạy đều vượt định mức của giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Được xét đạt tiêu chuẩn Giảng viên chính (giảng viên hạng II) năm 2018.
- Tham gia hướng dẫn 04 luận văn Thạc sĩ tại Trường Đại học Cần Thơ.
- Là thành viên Tổ Đảm bảo chất lượng thuộc Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ.
- Là thành viên biên soạn và tham gia Tổ tự đánh giá chương trình đào tạo Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu (MMT-TTDL) theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA năm 2019-2020 và chương trình đã được kiểm định đạt chuẩn AUN-QA năm 2021.
- Gương mẫu thực hiện nhiệm vụ, quy tắc ứng xử của nhà giáo; Tác phong giảng dạy nghiêm túc, hòa nhã, lịch sự, nhiệt tình, được nhiều đồng nghiệp, sinh viên đại học, học viên cao học đánh giá tốt.

**b. Về nghiên cứu khoa học (NCKH):**

- Tích cực nghiên cứu khoa học hoàn thành vượt định mức hàng năm của giảng viên theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo:
  - + Tham gia viết/biên soạn 01 giáo trình được in sách phục vụ cho công tác giảng dạy bậc đại học ở Trường Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Trường Đại học Cần Thơ.
  - + Chủ nhiệm 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu đánh giá Xuất sắc.
  - + Công bố 72 bài báo cũng như báo cáo khoa học cho các tạp chí, hội nghị trong và ngoài nước có uy tín.
- Nhiệt tình tham gia và hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Khoa và Trường.
- Phụ trách Phòng thí nghiệm Mạng máy tính, truyền thông và dữ liệu lớn từ tháng 09/2016 đến 03/2022.
- Duy trì hợp tác lâu dài trong nghiên cứu khoa học bởi thành lập 02 nhóm nghiên cứu với một số trường trong và ngoài nước như Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long, Đại học Rennes 2 (Pháp), Đại học Oklahoma (Mỹ), Đại học Quebec tại Trois-Rivières (Canada).
- Tham gia xây dựng và điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ đại học (ngành An toàn thông tin, ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu).
- Tham gia hội đồng thẩm định CTĐT trình độ tiến sĩ chuyên ngành Hệ thống thông tin.
- Tham gia hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ.
- Tích cực nghiên cứu khoa học, tổ chức seminar, hội thảo cấp Trường Công nghệ thông tin và TT, trao đổi, sinh hoạt học thuật, giảng dạy.
- Tham gia phản biện bài báo/tổ chức cho một số hội nghị quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn: hội nghị quốc tế ISDS 2023 (International Conference on Intelligent Systems and Data Science, website: <https://isds.ctu.edu.vn/2023/committee>), hội nghị FSASSE 2019, 2020 (Special Session on Fuzzy-based Simulation Approaches and Systems in Science and Engineering).

**c. Chuyển giao công nghệ và hoạt động cộng đồng:**

Tích cực duy trì hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện còn nhiều khó khăn ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, đặc biệt sản phẩm được chuyển giao ứng dụng hiệu quả trong đào tạo và thực tiễn:

Chủ động đề xuất, thiết kế và triển khai hệ thống đám mây riêng *CloudCIT* tại Trường CNTT-TT có thể cung cấp lên đến 150 máy ảo, phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy bậc đại học và sau đại học (địa chỉ truy cập *CloudCIT*: <http://cloud.cit.ctu.edu.vn/horizon>).

**d. Về học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ:**

- Tham gia học các lớp nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và sinh hoạt, trao đổi học thuật theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của chuyên ngành.
- Sử dụng tốt tiếng Anh (tốt nghiệp tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp, viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh).
- Tham gia học các lớp nghiệp vụ:
  - + Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm
  - + Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (Hạng II).
  - + Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (Hạng I).

**e. Về công tác quản lý:**

- Luôn hoàn thành tốt công tác quản lý chuyên môn tại Khoa Mạng máy tính và Truyền thông, Trường CNTT-TT, Trường Đại học Cần Thơ.
- Tham gia/ chủ trì mở ngành và xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học ngành An toàn thông tin và ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu.
- Chủ trì phân công giảng dạy cho các giảng viên cho mỗi học kỳ của năm học.
- Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên.
- Giám sát và thanh tra công tác giảng dạy, tổ chức thi, và lưu trữ bài thi của mỗi học kỳ.
- Xây dựng Khoa Mạng máy tính và Truyền thông ngày càng phát triển, đặc biệt trong phát triển đội ngũ, phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (hiện có 3 chương trình đào tạo: Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu chất lượng cao, và An toàn thông tin; chương trình thạc sĩ trong kế hoạch sắp tới), và tăng qui mô sinh viên.
- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế như chương trình tiếp nhận sinh viên quốc tế của Đại học Rennes 2 đến thực tập thực tế tại Khoa hàng năm, chương trình sinh viên đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài tại Đại học Công nghệ & Sáng tạo Châu Á Thái Bình Dương (APU, Malaysia), chương trình đưa sinh viên đi thi đấu quốc tế tại trường APU, chuỗi workshop đào tạo sinh viên và giáo viên trong lĩnh vực An toàn thông tin kết hợp với trường APU; góp phần nâng cao chất lượng và trải nghiệm học tập toàn cầu, nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập của giáo dục đại học của Khoa và Trường.

Đánh giá chung: Tôi tự nhận thấy đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên đại học; có lòng nhiệt huyết và yêu nghề; tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao; hoàn thành tốt công tác quản lý và phát triển đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 24 năm 07 tháng (từ tháng 11/2000 đến 06/2025).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SDH |                                                            |
| 1               | 2019-2020 |                           |     | 1                                  | 0                                       | 350                                       | 75  | 425 / 627 / 270                                            |
| 2               | 2020-2021 |                           |     | 0                                  | 0                                       | 530                                       | 120 | 650 / 976 / 270                                            |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 0                                  | 0                                       | 440                                       | 90  | 530 / 779 / 280                                            |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                            |
| 4               | 2022-2023 |                           |     | 0                                  | 0                                       | 380                                       | 105 | 485 / 723 / 280                                            |
| 5               | 2023-2024 |                           |     | 0                                  | 0                                       | 360                                       | 60  | 420 / 609 / 280                                            |
| 6               | 2024-2025 |                           |     | 0                                  | 0                                       | 210                                       | 105 | 315 / 445 / 280                                            |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Học nước ngoài bằng tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc<br>HVCH/CK2/B<br>SNT | Đối tượng |                   | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn<br>từ ... đến<br>... | Cơ sở đào<br>tạo          | Ngày, tháng,<br>năm được cấp<br>bằng/có quyết<br>định cấp bằng |
|----|-----------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------------|-----|---------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                                         | NCS       | HVCH/C<br>K2/BSNT | Chính                    | Phụ |                                             |                           |                                                                |
| 1  | Phan Thúy<br>Quỳnh                      |           | X                 | X                        |     | 13/01/2017<br>đến<br>22/08/2018             | Trường ĐH<br>Cần Thơ      | 01/11/2018                                                     |
| 2  | Phạm Hồng<br>Cầm                        |           | X                 | X                        |     | 13/01/2017<br>đến<br>23/10/2018             | Trường Đại<br>học Cần Thơ | 30/05/2019                                                     |
| 3  | Nguyễn<br>Phương                        |           | X                 | X                        |     | 13/01/2017<br>đến<br>23/10/2018             | Trường Đại<br>học Cần Thơ | 30/05/2019                                                     |
| 4  | Triệu Thanh<br>Ngoan                    |           | X                 | X                        |     | 26/02/2019<br>đến<br>21/08/2019             | Trường Đại<br>học Cần Thơ | 09/06/2020                                                     |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT                             | Tên sách                             | Loại<br>sách<br>(CK,<br>GT,<br>TK,<br>HD) | Nhà xuất bản<br>và năm xuất<br>bản                                              | Số<br>tác<br>giả | Chủ biên | Phản biên soạn<br>(từ trang ... đến<br>trang)                                      | Xác nhận của cơ<br>sở GDĐH (số văn<br>bản xác nhận sử<br>dụng sách) |
|--------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Sau khi được công nhận Tiến sĩ |                                      |                                           |                                                                                 |                  |          |                                                                                    |                                                                     |
| 1                              | Phát triển ứng dụng<br>hướng dịch vụ | GT                                        | Nhà xuất bản<br>Đại học Cần<br>Thơ, năm 2024<br><br>ISBN: 978-<br>604-965-878-5 | 03               | CB       | Các chương<br>(1, 2, 5)<br>(1-22, 23-83, 140-<br>157)<br><br>Tổng số trang:<br>194 | 2027 /GXN-ĐHCT<br>(13/06/2024)                                      |

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                       | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý  | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
|    | Sau khi được công nhận Tiến sĩ                                                       |           |                       |                     |                                                     |
| 1  | ĐT: Tối ưu hóa Join đệ quy trên tập dữ liệu lớn trong môi trường MapReduce với Spark | CN        | TCN2016-13, cấp Cơ sở | 06/2015 đến 06/2016 | 08/06/2016 / Xuất sắc                               |
| 2  | ĐT: Phân tích và đánh giá các bộ lọc xác suất hiệu quả trong môi trường dữ liệu lớn  | CN        | T2024-88, cấp Cơ sở   | 07/2024 đến 06/2025 | 09/06/2025 / Xuất sắc                               |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                            | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                                        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)                | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang           | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận Tiến sĩ                                                  |            |                  |                                                                                                                        |                                                                  |                                            |                          |                    |
|    | <b>Bài báo đăng trong tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế</b>               |            |                  |                                                                                                                        |                                                                  |                                            |                          |                    |
| 1  | Toward intersection filter-based optimization for joins in MapReduce              | 3          | Có               | 2nd International Workshop on Cloud Intelligence (colocated with VLDB 2013), Cloud-I '13<br><br>ISBN 978-1-4503-2108-2 | Hội nghị quốc tế uy tín (kết hợp trong hội nghị VLDB xếp hạng A) | 29                                         | 1-8                      | 08/2013            |
| II | Sau khi được công nhận Tiến sĩ                                                    |            |                  |                                                                                                                        |                                                                  |                                            |                          |                    |
|    | <b>Bài báo đăng trong tạp chí khoa học quốc tế</b>                                |            |                  |                                                                                                                        |                                                                  |                                            |                          |                    |
| 2  | Towards a Service-Oriented Architecture for Knowledge Management in Big Data Era  | 4          | Không            | International Journal of Intelligent Information Technologies (IJIIT)<br><br>ISSN: 1548-3657                           | Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI, Scopus (Q3)<br>IF=2.3             | 9                                          | 14(4), 24-38             | 10/2018            |
| 3  | A Hounsfield value-based Approach for Automatic Recognition of Brain hemorrhage   | 3          | Không            | Journal of Information and Telecommunication<br><br>ISSN: 2475-1839                                                    | Tạp chí quốc tế uy tín - ESCI, Scopus (Q2)<br>IF=1.695           | 17                                         | 3, 2, 196-209            | 11/2018            |
| 4  | Recursive Join Processing In Big Data Environment                                 | 3          | Không            | Journal of Computer Science and Cybernetics<br><br>ISSN: 1813-9663                                                     | Tạp chí quốc tế uy tín - ACI (IF: 0.286)                         |                                            | Vol.37, No.2(1), 107-122 | 05/2021            |
| 5  | A theoretical and experimental comparison of large-scale join algorithms in Spark | 4          | Không            | Journal of Springer Nature Computer Science, (SNCS/Springer), ISSN/eISSN: 2661-8907/ 2662-995X                         | Tạp chí quốc tế uy tín – Scopus (Q2)<br>CiteScore 5.6            | 2                                          | Vol.2, No.5: 352 1-16    | 06/2021            |

|    |                                                                                                                     |   |       |                                                                                                                                                                                               |                                                                    |    |                         |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|---------|
| 6  | An Efficient Approach for Detecting Driver Drowsiness Based on Deep Learning                                        | 4 | Không | Journal of Applied Sciences,<br>Section of Computing and Artificial Intelligence,<br>ISSN 2076-3417                                                                                           | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE (IF:2.7), Scopus(Q2) Cite Score 5.3  | 69 | Vol. 11(18), 8441 1-20  | 9/2021  |
| 7  | A Systematic Approach to Healthcare Knowledge Management Systems in the Era of Big Data and Artificial Intelligence | 3 | Không | Journal of Applied Sciences,<br>Section of Advances in Deep Learning-Based Information Processing for Big Data Analytics and Digital Transformation,<br>ISSN 2076-3417                        | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE (IF:2.7), Scopus(Q2) Cite Score 5.3  | 32 | Vol. 12 (09), 4455 1-18 | 4/2022  |
| 8  | Comparative Analysis of Skew Join Strategies for Large-Scale DataSets with MapReduce and Spark                      | 4 | Không | Journal of Applied Sciences,<br>Section of New Challenges in Big Data Analytics and Applications,<br>ISSN 2076-3417                                                                           | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE (IF:2.7), Scopus(Q2) Cite Score 5.3  | 2  | 12(13), 6554 1-20       | 6/2022  |
| 9  | Content-Based Video Big Data Retrieval with Extensive Features and Deep Learning                                    | 4 | Có    | Journal of Applied Sciences,<br>Section of Computing and Artificial Intelligence,<br>ISSN 2076-3417                                                                                           | Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE (IF: 2.7), Scopus(Q2) Cite Score 5.3 | 31 | 12(13), 6753 1-26       | 7/2022  |
| 10 | Improving liver lesions classification on CT/MRI images based on Hounsfield Units attenuation and deep learning     | 5 | Không | Journal of Gene Expression Patterns,<br>Special Issue on Resolution enhancement of images with the help of pattern recognition applications,<br>ISSN 1567-133X/1872-7298, Elsevier publisher. | Tạp chí quốc tế uy tín – SCIE, IF : 1.2 Scopus (Q3) CiteScore 2.1  | 15 | 47(1192 89) 1-16        | 11/2022 |

|    |                                                                                                             |   |       |                                                                                                   |                                                                                          |    |                       |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------|---------|
| 11 | Driver Drowsiness Detection and Smart Alerting using Deep Learning and IoT                                  | 3 | Không | Journal of Internet of Things,<br>ISSN/eISSN: 2543-1536/2542-6605,<br>Elsevier publisher          | Tạp chí quốc tế uy tín – SCIE,<br>IF : 5.9<br>Scopus (Q1)<br>CiteScore 14.2<br>SJR=1.607 | 43 | Vol 22 (100705) 1-23  | 02/2023 |
| 12 | Hounsfield Unit Variations-Based Liver Lesions Detection and Classification Using Deep Learning             | 3 | Không | Journal of Current Medical Imaging,<br>ISSN/eISSN: 1573-4056/1875-6603.                           | Tạp chí quốc tế uy tín – SCIE,<br>IF: 1.4<br>Scopus (Q3)<br>CiteScore 2.6                | 1  | Vol 20 1-22           | 04/2023 |
| 13 | Similarity Algorithms for Fuzzy Join Computation in Big Data Processing Environment                         | 2 | Không | Journal of Computer Science and Cybernetics,<br>ISSN/eISSN: 1813-9663/2815-5939                   | Tạp chí quốc tế uy tín - ACI (IF: 0.286)                                                 | 3  | Vol 39, No.2 101-124  | 6/2023  |
| 14 | Automatic Detection and Segmentation of Brain Hemorrhage based on Improved U-Net Model                      | 2 | Có    | Journal of Current Medical Imaging,<br>ISSN/eISSN: 1573-4056/1875-6603                            | Tạp chí quốc tế uy tín – SCIE,<br>IF: 1.4<br>Scopus (Q3)<br>CiteScore 2.6                | 1  | Vol 20, 1-18          | 10/2023 |
| 15 | Enhancing Breast Cancer Detection with Advanced Deep Learning Techniques for Ki-67 Nuclear Protein Analysis | 2 | Có    | Journal of Springer Nature Computer Science (SNCS/Springer),<br>ISSN/eISSN: 2661-8907/ 2662-995X  | Tạp chí quốc tế uy tín – Scopus (Q2)<br>CiteScore 5.6                                    | 1  | Vol 5, No.663 1-17    | 06/2024 |
| 16 | A novel approach of drowsiness levels detection using Vis-Net combined with facial emotion                  | 3 | Có    | Journal of Systems and Soft Computing (ScienceDirect),<br>ISSN 2772-9419                          | Tạp chí quốc tế uy tín – ESCI,<br>Scopus (Q2)<br>CiteScore 3.1                           |    | Vol 7, 200288, 1-17   | 05/2025 |
| 17 | Detection and Classification of Lung Diseases in Distributed Environment                                    | 2 | Có    | International Journal of Advances in Intelligent Informatics,<br>ISSN/eISSN: 2442-6571/ 2548-3161 | Tạp chí quốc tế uy tín – Scopus (Q3)<br>CiteScore 3.1                                    |    | Vol 11, No 2, 192-209 | 05/2025 |

| Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế |                                                                                                            |   |       |                                                                                                                                                                                                       |                                                        |    |                 |         |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----|-----------------|---------|
| 18                                                  | A theoretical and experimental comparison of filter-based equijoins in MapReduce                           | 3 | Có    | Transactions on Large-Scale Data- and Knowledge-Centered Systems XXV (TLDKS). Lecture Notes in Computer Science (LNCS)<br>ISSN 0302-9743<br>ISBN: 978-3-662-49533-9<br>Online ISBN: 978-3-662-49534-6 | Book Series quốc tế uy tín - Scopus (Q2) CiteScore 2.6 | 17 | Vol 9620, 33-70 | 02/2016 |
| 19                                                  | A Service-Oriented Living Lab for Continuous Performance Improvement in SMEs                               | 4 | Không | LNBIP, Exploring Services Science, IESS 2016,<br>ISSN/eISSN: 1865-1348/ 1865-1356                                                                                                                     | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus (Q3) CiteScore 2.3      | 3  | 247, 299-309    | 05/2016 |
| 20                                                  | A Service-Oriented Framework for Big Data-Driven Knowledge Management Systems                              | 4 | Không | LNBIP, Exploring Services Science, IESS 2016,<br>ISSN/eISSN: 1865-1348/ 1865-1356                                                                                                                     | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus (Q3)                    | 8  | 247, 509-521    | 05/2016 |
| 21                                                  | Towards an Architecture for Big Data-Driven Knowledge Management Systems                                   | 3 | Không | 22nd Americas Conference on Information Systems, AMCIS 2016,<br>ISBN 978-0-9966831-2-8                                                                                                                | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus (Q2)                    | 18 | 1-10            | 08/2016 |
| 22                                                  | Big data driven architecture for medical knowledge management systems in intracranial hemorrhage diagnosis | 3 | Không | LNCS/LNAI, Integrated Uncertainty in Knowledge Modeling and Decision Making (IUKM),<br>ISSN 0302-9743                                                                                                 | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus (Q2)                    | 2  | 10758, 214-225  | 2/2018  |

|    |                                                                                                                             |   |       |                                                                                                                                                                            |                                               |    |                |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----|----------------|---------|
| 23 | Automatic Detection and Classification of Brain Hemorrhages                                                                 | 3 | Không | LNCS/LNAI, Intelligent Information and Database Systems, ISSN 0302-9743                                                                                                    | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus (Q2)           | 12 | 10751, 417-427 | 2/2018  |
| 24 | Improving Hamming distance-based fuzzy join in MapReduce using Bloom Filters                                                | 4 | Không | 2018 IEEE International Conference on Fuzzy Systems (FUZZ-IEEE), ISSN:1098-7584<br>ISBN/eISBN: 978-1-5090-6021-4/ 978-1-5090-6020-7                                        | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus, CiteScore 2.3 | 10 | 1-7            | 10/2018 |
| 25 | Fingerprint Recognition using Gabor wavelet in MapReduce and Spark                                                          | 3 | Không | The Ninth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2018),<br>ACM, ISBN: 978-1-4503-6539-0                                                | Hội nghị quốc tế uy tín                       | 5  | 54-60          | 12/2018 |
| 26 | Detection and Classification Of Brain Hemorrhage Based On Hounsfield Values And Convolution Neural Network Technique        | 3 | Không | The 2019 IEEE – RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies, IEEE, ISBN 978-1-5386-9313-1.                                                   | Hội nghị quốc tế uy tín IS=0.8                | 13 | 327-333        | 03/2019 |
| 27 | Automatic Identification of Intracranial Hemorrhage on CT/MRI Image Using Meta-Architectures Improved from Region-based CNN | 4 | Không | Advances in Intelligent Systems and Computing of Springer-Verlag (AISC),<br>Optimization of Complex Systems: Theory, Models, Algorithms and Applications<br>ISSN 2194-5357 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q3)         | 17 | 991, 740-750   | 06/2019 |

|    |                                                                                                                  |   |       |                                                                                                                                                                            |                                               |    |                |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----|----------------|---------|
| 28 | Face Recognition using Gabor wavelet in MapReduce and Spark                                                      | 4 | Không | Advances in Intelligent Systems and Computing of Springer-Verlag (AISC),<br>Optimization of Complex Systems: Theory, Models, Algorithms and Applications<br>ISSN 2194-5357 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q3)         | 4  | 991, 769-778   | 06/2019 |
| 29 | Efficient Processing of Recursive Joins on Large-Scale Datasets in Spark                                         | 4 | Có    | Advances in Intelligent Systems and Computing of Springer-Verlag (AISC),<br>Advanced Computational Methods for Knowledge Engineering<br>ISSN: 2194-5357                    | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q3)         | 1  | 1121, 391-402  | 12/2019 |
| 30 | Optimization for Large-Scale Fuzzy Joins Using Fuzzy Filters in MapReduce                                        | 4 | Không | 2020 IEEE International Conference on Fuzzy Systems (FUZZ-IEEE)<br>ISSN:1098-7584<br>ISBN/eISBN: 978-1-7281-6932-3/ 978-1-7281-6933-0                                      | Hội nghị quốc tế uy tín Scopus, CiteScore 2.3 | 6  | 1-8            | 08/2020 |
| 31 | A Comparative Study of Join Algorithms in Spark (Full paper)                                                     | 3 | Không | Lecture Notes in Computer Science (LNCS/Springer),<br>ISSN 0302-9743,                                                                                                      | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q2)         | 6  | 12466, 185-200 | 11/2020 |
| 32 | Detection and Classification of Brain Hemorrhage Using Hounsfield Unit and Deep Learning Techniques (Full paper) | 4 | Không | Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),<br>ISSN 1865-0929                                                                                      | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4)         | 11 | 1306, 281-293  | 11/2020 |

|    |                                                                                                      |   |       |                                                                                                                                                                               |                                                  |   |                   |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---|-------------------|---------|
| 33 | Real-time Opinion Extraction and Classification for Vietnamese Posts on Social Networks (Long Paper) | 3 | Có    | The twelfth IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering (IEEE KSE 2020),<br>ISBN: 978-1-7281-4510-5                                                    | Hội nghị quốc tế uy tín                          | 1 | 1, 19-24          | 11/2020 |
| 34 | An Efficient Approach for Improving Recursive Joins Based on Three-Way Joins in Spark                | 3 | Không | Communications in Computer and Information Science (CCIS /LNAI),<br>Advances in Computational Collective Intelligence<br>ISSN: 1865-0929                                      | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4)            |   | 1287, 566-578     | 12/2020 |
| 35 | Efficient Brain Hemorrhage Detection on 3D CT Scans with Deep Neural Network                         | 3 | Không | Lecture Notes in Computer Science, (LNCS/Springer),<br>ISSN 0302-9743                                                                                                         | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q2)            | 6 | 13076, 81-96      | 11/2021 |
| 36 | Deep Learning-Based Pneumonia Detection Using Big Data Technology                                    | 4 | Không | Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies, (LNDECT/Springer),<br>Section of Artificial Intelligence in Data and Big Data Processing<br>ISSN 2367-4520 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q3)<br>IS=1.91 |   | Vol. 124, 239–251 | 5/2022  |

|    |                                                                                  |   |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                       |   |                    |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|--------------------|---------|
| 37 | Covid-19 Detection Based on Lung Lesion Signs in Big Data Processing Environment | 4 | Có | <p>Proceeding of the 9th International Conference on Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications (FDSE 2022), Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),</p> <p>ISSN 1865-0929, E-ISSN 1865-0937, ISBN: 978-981-19-8069-5</p> | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 1 | Vol. 1688, 145–160 | 11/2022 |
| 38 | Lung Lesions Segmentation and Classification with Deep Neural Networks           | 4 | Có | <p>Proceeding of the 9th International Conference on Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications (FDSE 2022), Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),</p> <p>ISSN/eISSN 1865-0929/ 1865-0937, ISBN: 978-981-19-8069-5</p>  | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) |   | Vol. 1688, 653–664 | 11/2022 |

|    |                                                                                           |   |       |                                                                                                                                                                                                                                               |                                       |   |               |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|---------------|---------|
| 39 | Exam Cheating Detection Based on Action Recognition Using Vision Transformer              | 3 | Có    | Intelligent Systems and Data Science.<br>ISDS 2023,<br><br>Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),<br><br>ISSN/e ISSN: 1865-0929/ 1865-0937                                                                       | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 2 | 1949, 65-77   | 10/2023 |
| 40 | Deep Learning for Detection and Classification of Nuclear Protein in Breast Cancer Tissue | 3 | Có    | Intelligent Systems and Data Science.<br>ISDS 2023,<br><br>Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),<br><br>ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937                                                                        | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 1 | 1950, 15-28   | 10/2023 |
| 41 | Vision Transformer for Kidney Stone Detection                                             | 5 | Không | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications, FDSE 2023,<br><br>Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),<br><br>ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 2 | 1925, 442-455 | 11/2023 |

|    |                                                                           |   |       |                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |   |                       |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|-----------------------|---------|
| 42 | Detection and Segmentation of Brain Tumors on 3D MR Images Using 3D U-Net | 4 | Có    | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications, FDSE 2023, Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer), ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 1 | 1925, 528-541         | 11/2023 |
| 43 | Breast Cancer Classification on Mammograms Using Vision Transformer       | 3 | Có    | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications, FDSE 2023, Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer), ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) | 1 | 1925, 500-512         | 11/2023 |
| 44 | GUESS: MonitorinG Join qUery Execution in Serverless and Serverful Spark  | 4 | Không | Database Systems for Advanced Applications. DASFAA 2024, Lecture Notes in Computer Science (LNCS/Springer), ISSN/eISSN: 0302-9743/ 1611-3349                                                                                    | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q2) |   | vol 14856, pp 489-493 | 09/2024 |

|    |                                                                                                    |   |    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |  |                      |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--|----------------------|---------|
| 45 | Detection and Classification of Liver Lesions Using Vision Transformer and Active Learning         | 3 | Có | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. FDSE 2024, Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer), ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) |  | vol 2309, pp 208-224 | 11/2024 |
| 46 | Detection and Classification of Osteoarthritis Using Vision Transformer in Distributed Environment | 3 | Có | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. FDSE 2024, Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer), ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) |  | vol 2309, pp 225-238 | 11/2024 |
| 47 | Neural Networks Based Fuzzy Join Algorithm In Big Data Processing                                  | 4 | Có | Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications. FDSE 2024, Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer), ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4) |  | vol 2310, pp 171-182 | 11/2024 |

|                                                               |                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                     |                                                  |   |                    |         |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---|--------------------|---------|
| 48                                                            | Automatic Segmentation of Masses on Mammograms Using Fuzzy Logic                       | 4 | Không | Intelligent Systems and Data Science. ISDS 2024,<br><br>Communications in Computer and Information Science (CCIS/Springer),<br><br>ISSN/eISSN: 1865-0929/ 1865-0937 | Hội nghị quốc tế uy tín - Scopus (Q4)            | 1 | vol 2190, pp 69-82 | 11/2024 |
| <b>Bài báo đăng trong tạp chí khoa học trong nước</b>         |                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                     |                                                  |   |                    |         |
| 49                                                            | Vietnamese Music classification by genre based on timbral texture and rhythmic content | 3 | Không | CanTho University Journal of Science, ISSN: 1859-2333                                                                                                               | Tạp chí trong nước                               |   | 2017, 145-154      | 11/2017 |
| 50                                                            | Towards a large-scale knowledge system for diagnosis of cerebral hemorrhage            | 3 | Không | CanTho University Journal of Science, ISSN: 1859-2333                                                                                                               | Tạp chí trong nước                               |   | 2017, 112-118      | 11/2017 |
| <b>Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước</b> |                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                     |                                                  |   |                    |         |
| 51                                                            | Phân loại nhạc theo thể loại dùng phép biến đổi Wavelet rời rạc                        | 2 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’9).<br><br>ISBN: 978-604-913-472-2.                                                       | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác | 1 | 521-531            | 8/2016  |
| 52                                                            | Tối ưu hóa join đệ quy trên tập dữ liệu lớn trong môi trường Mapreduce với Spark       | 3 | Có    | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’9).<br><br>ISBN: 978-604-913-472-2.                                                       | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |   | 729-742            | 8/2016  |

|    |                                                                                       |   |       |                                                                                                                                               |                                                  |  |         |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------|---------|
| 53 | Nhận dạng khuôn mặt dựa trên mô hình xử lý song song và phân tán MapReduce            | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’10).<br><br>ISBN: 978-604-913-614-6                                 | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 685-693 | 8/2017  |
| 54 | Nhận dạng dấu vân tay dữ liệu lớn sử dụng Gabor wavelet và MapReduce                  | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’10).<br><br>ISBN: 978-604-913-614-6                                 | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 674-684 | 8/2017  |
| 55 | Phát hiện và phân loại tự động xuất huyết não trên các ảnh CT/MRI                     | 4 | Không | Hội thảo CNTT Quốc gia lần thứ XX – Một số vấn đề chọn lọc của CNTT và truyền thông,<br><br>ISBN: 978-604-67-1009-7, NXB Khoa học và Kỹ thuật | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 246-252 | 11/2017 |
| 56 | Chẩn đoán xuất huyết não dựa trên chỉ số Hounsfield và kỹ thuật mạng nơ-ron tích chập | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’11).<br><br>ISBN: 978-604-913-749-5                                 | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 79-87   | 8/2018  |
| 57 | Hệ thống phân loại ảnh xuất huyết não theo hướng tiếp cận xử lý dữ liệu lớn           | 5 | Có    | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’12).<br><br>ISBN: 978-604-913-915-4.                                | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 209-216 | 6/2019  |

|    |                                                                                                     |   |       |                                                                                                                                                        |                                                  |  |         |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------|---------|
| 58 | Nhận dạng hình ảnh thực phẩm bằng phương pháp Deep Learning                                         | 5 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’13).<br>ISBN: 978-604-9985-77-5, NXB KHTN&CN.                                | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 420-428 | 10/2020 |
| 59 | Một đề xuất cải tiến thuật toán Join đệ qui trên tập dữ liệu lớn                                    | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’13).<br>ISBN: 978-604-9985-77-5, NXB KHTN&CN.                                | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 245-253 | 10/2020 |
| 60 | Phát hiện và định lượng tổn thương do xuất huyết não sử dụng chỉ số Hounsfield và mạng neuron R-FCN | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’13).<br>ISBN: 978-604-9985-77-5, NXB KHTN&CN.                                | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 475-482 | 10/2020 |
| 61 | Hệ thống tìm kiếm video theo hướng tiếp cận xử lý dữ liệu lớn                                       | 3 | Không | Hội thảo quốc gia lần thứ XXIII - Một số vấn đề chọn lọc của CNTT & TT<br>ISBN: 978-604-67-1744-7, NXB KHKT.                                           | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 131-136 | 11/2020 |
| 62 | Phân loại các tổn thương thường gặp ở gan dựa vào chỉ số Hounsfield và kỹ thuật học sâu             | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’14).<br>ISBN: 978-604-9988-60-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 17-25   | 12/2021 |

|    |                                                                                                 |   |       |                                                                                                                                                        |                                                  |  |         |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------|---------|
| 63 | Truy vấn video dựa vào nội dung bằng phương pháp Deep Neural Networks                           | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’14).<br>ISBN: 978-604-9988-60-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 34-42   | 12/2021 |
| 64 | Phát hiện tổn thương phổi bằng kỹ thuật học sâu trong môi trường xử lý song song Spark          | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’14).<br>ISBN: 978-604-9988-60-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 75-83   | 12/2021 |
| 65 | Một tiếp cận hiệu quả trong nhận diện khuôn mặt sử dụng kỹ thuật học sâu với mạng CGAN và SRGAN | 4 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’14).<br>ISBN: 978-604-9988-60-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 84-91   | 12/2021 |
| 66 | Một tiếp cận xử lý dữ liệu lớn trong phát hiện các tổn thương gan dựa trên chỉ số Hounsfield    | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia về “Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT”, (FAIR’14).<br>ISBN: 978-604-9988-60-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 166-174 | 12/2021 |

|    |                                                                                          |   |       |                                                                                                                                                                         |                                                  |  |         |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------|---------|
| 67 | Phát hiện và khoanh vùng tổn thương do Covid-19 trên X-quang phổi bằng kỹ thuật học sâu  | 3 | Có    | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XV, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR' 15), ISBN: 978-604-357-119-6, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ   | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 493-500 | 11/2022 |
| 68 | Phân loại bệnh Alzheimer trên ảnh chụp cộng hưởng từ của não với kỹ thuật học sâu        | 3 | Có    | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XV, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR' 15), ISBN: 978-604-357-119-6, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ   | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 233-242 | 11/2022 |
| 69 | Một đề xuất thuật toán fuzzy join trong xử lý dữ liệu lớn                                | 2 | Có    | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XV, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR' 15), ISBN: 978-604-357-119-6, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ   | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 146-153 | 11/2022 |
| 70 | Chẩn đoán ung thư vú trên nhũ ảnh sử dụng các mô hình học sâu và mạng vision transformer | 4 | Không | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XVI, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR'2023), ISBN: 978-604-357-201-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 46-52   | 12/2023 |

|    |                                                                         |   |       |                                                                                                                                                                         |                                                  |  |         |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--|---------|---------|
| 71 | Phát hiện và phân vùng khối u não trên ảnh 3D MRI với kỹ thuật 3D U-NET | 4 | Không | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XVI, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR'2023), ISBN: 978-604-357-201-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 1-10    | 12/2023 |
| 72 | Phát hiện sỏi thận sử dụng kỹ thuật vision transformer                  | 3 | Có    | Hội nghị khoa học công nghệ quốc gia lần thứ XVI, Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT, (FAIR'2023), ISBN: 978-604-357-201-8, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ | Hội nghị trong nước - Hệ thống CSDL quốc tế khác |  | 441-449 | 12/2023 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 ( [9], [14], [15], [16], [17] ).

7.2. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.3. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
|    | Không có                                       |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: số giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 0.

**7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế**

| TT | Thành tích huấn luyện | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|-----------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
|    | Không có              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là hướng dẫn chính sau khi được công nhận TS (ghi rõ số thứ tự): 0.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN        | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)  | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế                     | Ghi chú                                                                       |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Chương trình đào tạo kỹ sư ngành An toàn thông tin trình độ Đại học | Tham gia                       | Quyết định số: 801/QĐ-ĐHCT<br>Ngày 22/03/2019 | Trường Đại học Cần Thơ             | Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 | Đã triển khai và tuyển sinh ngành ATTT từ năm 2022 tại Trường Đại học Cần Thơ |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có QĐ cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: 0

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

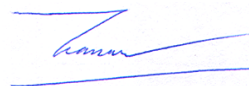
### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PHAN THUỜNG CANG**